CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chương Dương

Ngày 31/12/2025	24,950 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**-7.3%**	**100.9**

DT thuần
Q4/25
240
tỷ VNĐ
QoQ: ▼49.0| -16.9%
YoY: ▼199| -45.3%

LN thuần
Q4/25
14.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.85| 66.9%
YoY: ▲ 15.5| 1671%

LN sau thuế
Q4/25
10.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.05| 24.3%
YoY: ▼12.3| -54.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
8.1%
YoY: +/-▲ 1.9%

ROE
2025
3.6%
YoY: +/-▼ 2.4%

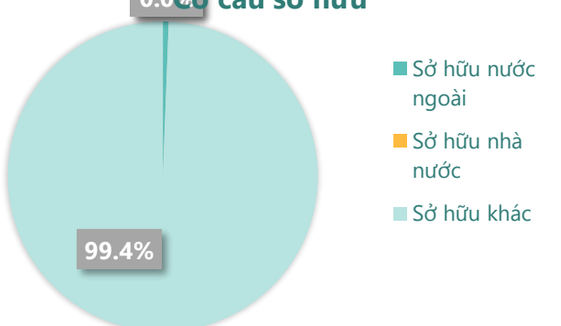
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,635 - 30,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,317
Số lượng CPLH (CP)	52,772,661
KLGD BQ 20 phiên (CP)	630,254
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.50
EPS	454
P/E	54.9

DT thuần
2025
1,031
tỷ VNĐ
YoY: ▼138| -11.8%

LN thuần
2025
27.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.4| 690%

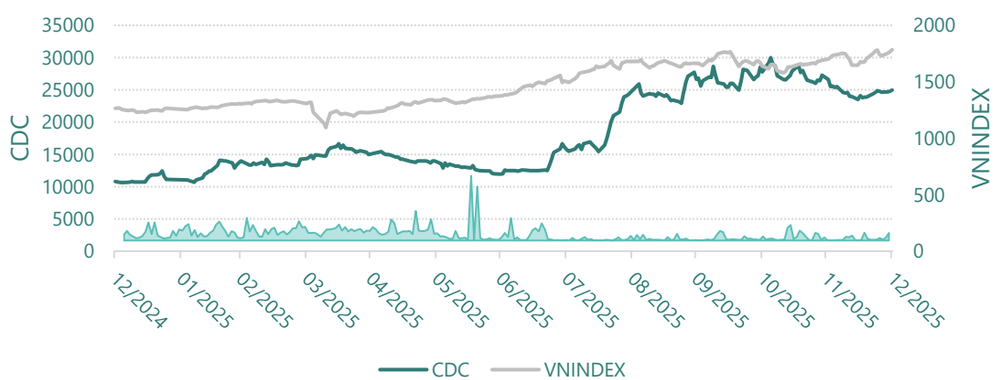
LN sau thuế
2025
23.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.30| -1.2%

Cơ cấu sở hữu

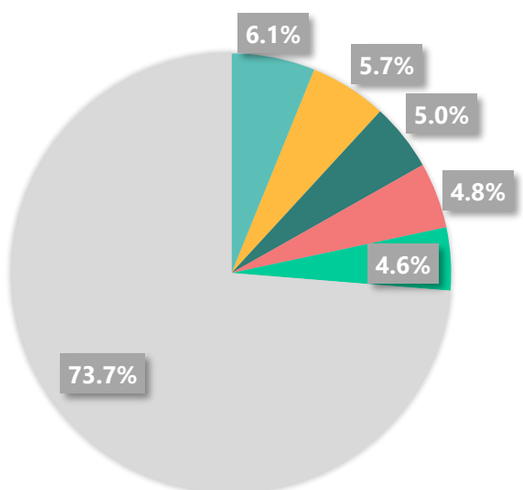


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



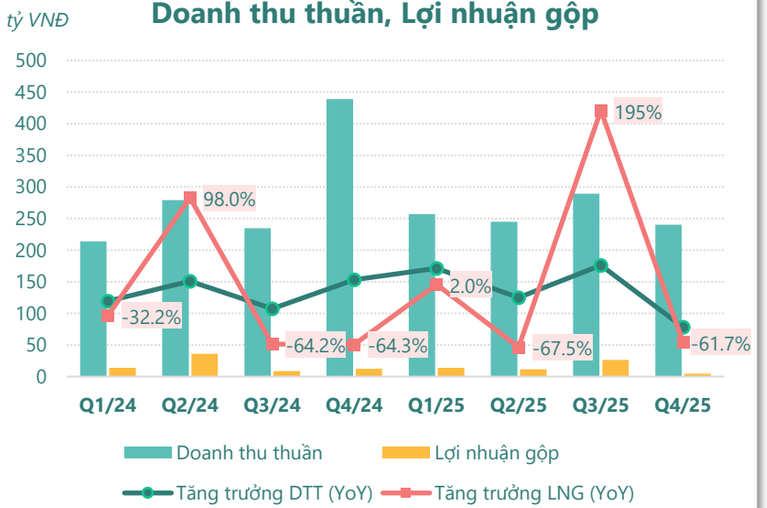
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

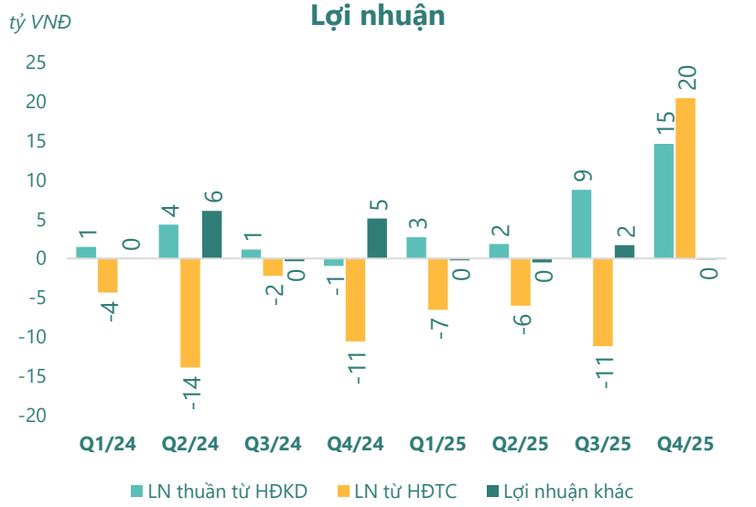
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



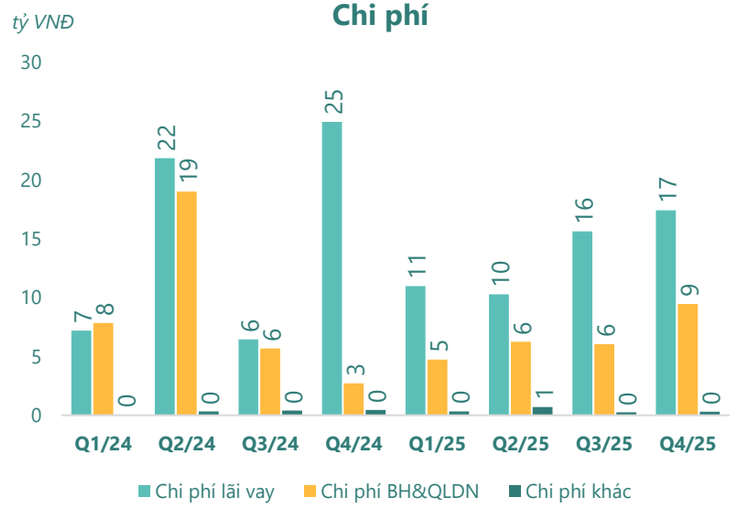
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



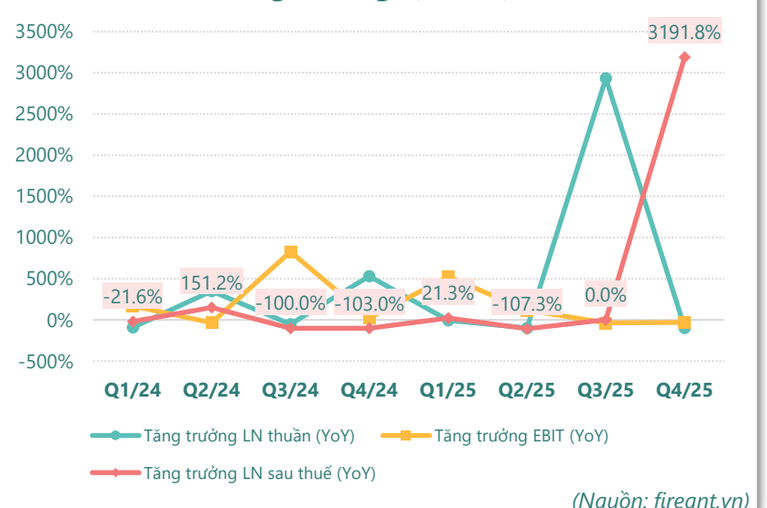
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



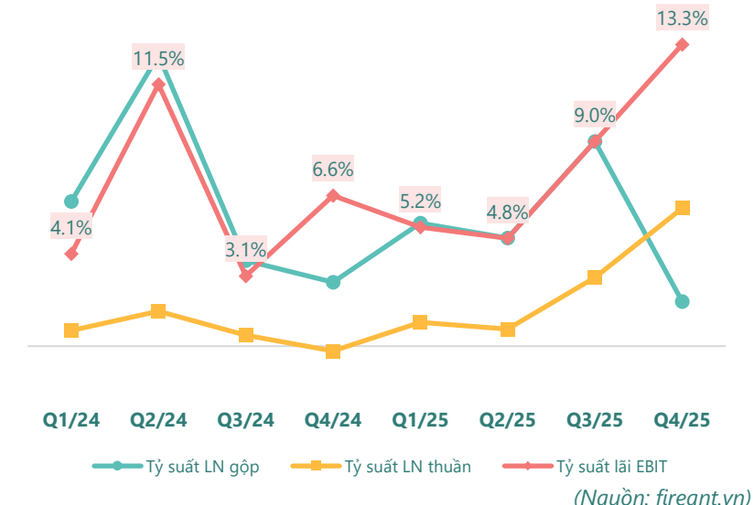
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



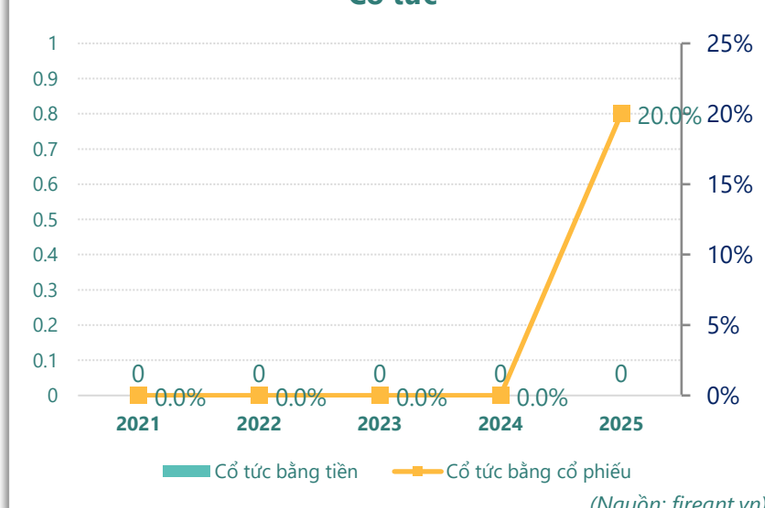
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

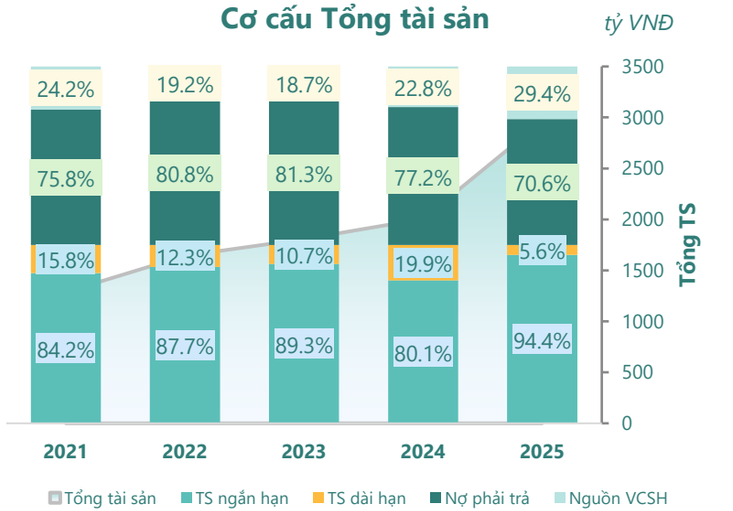
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

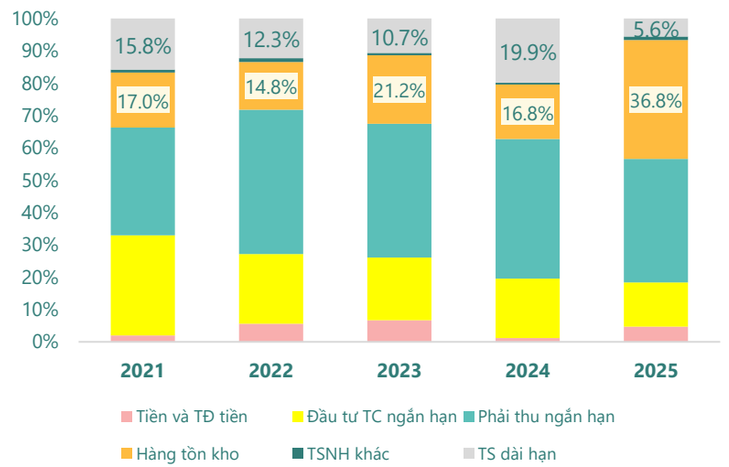
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



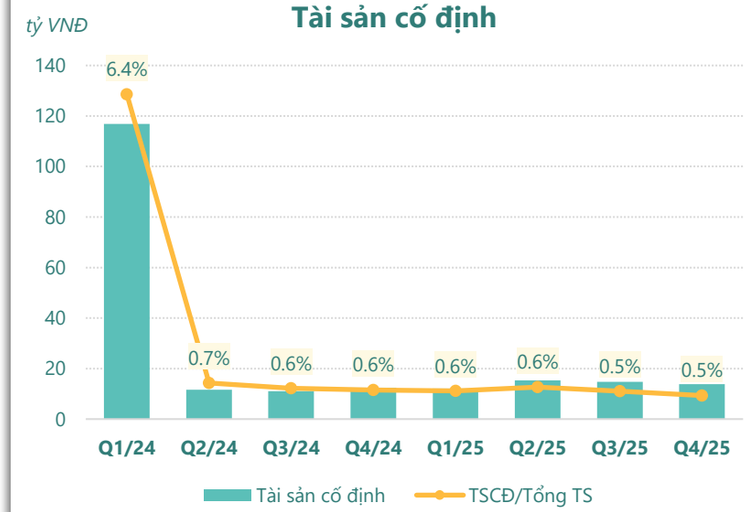
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



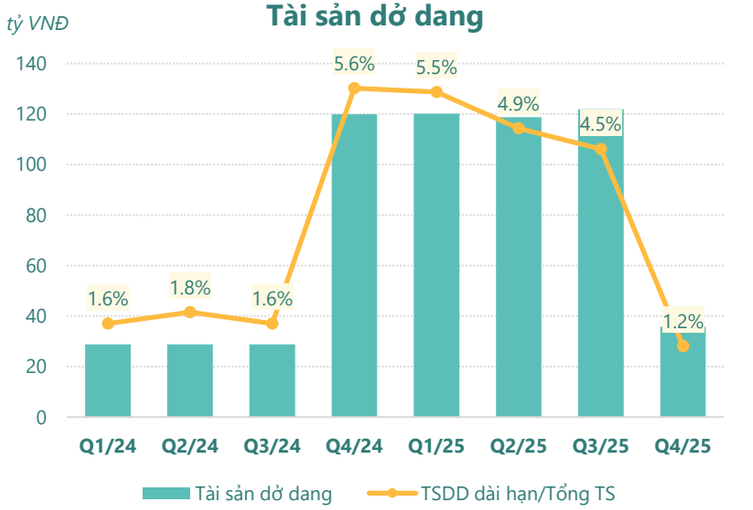
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



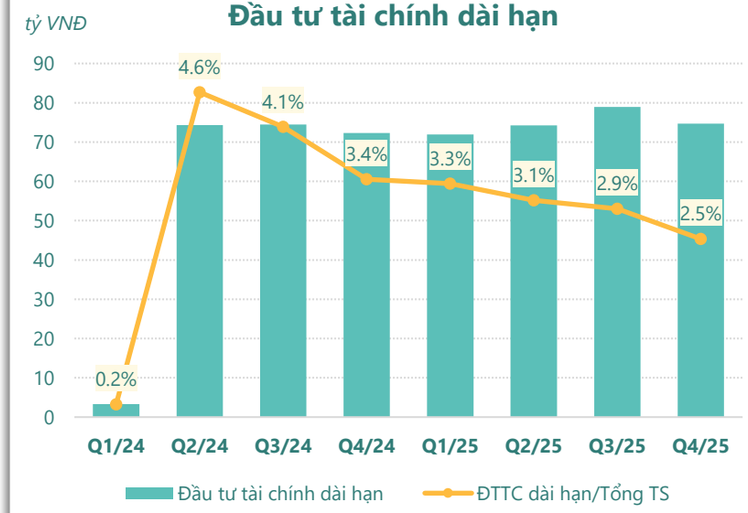
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



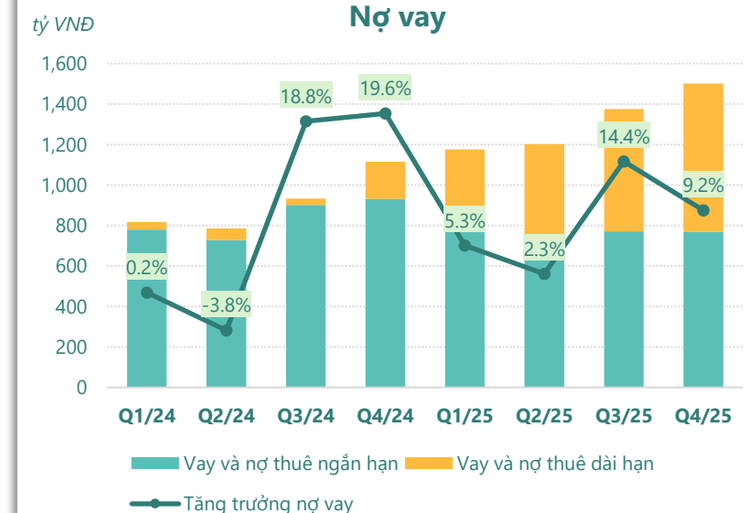
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

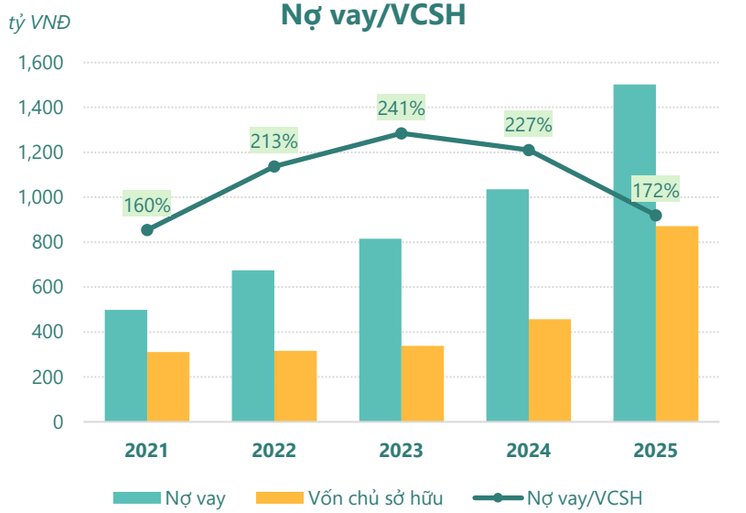
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

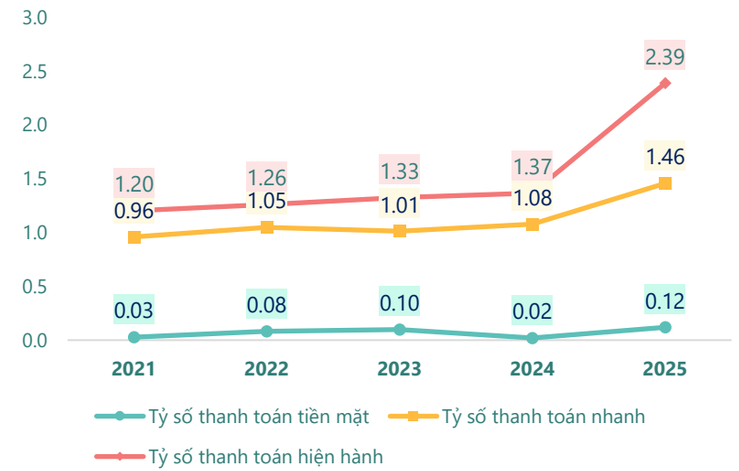
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



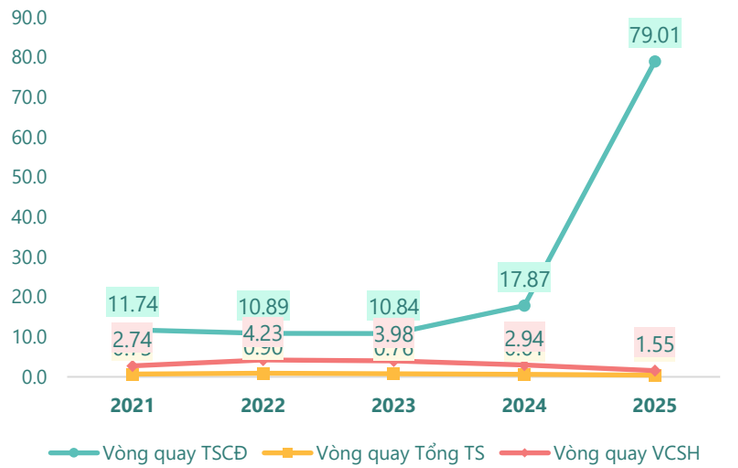
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



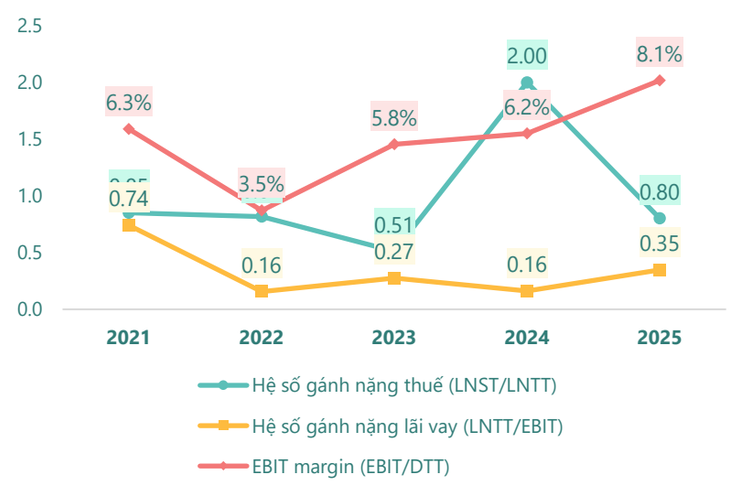
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



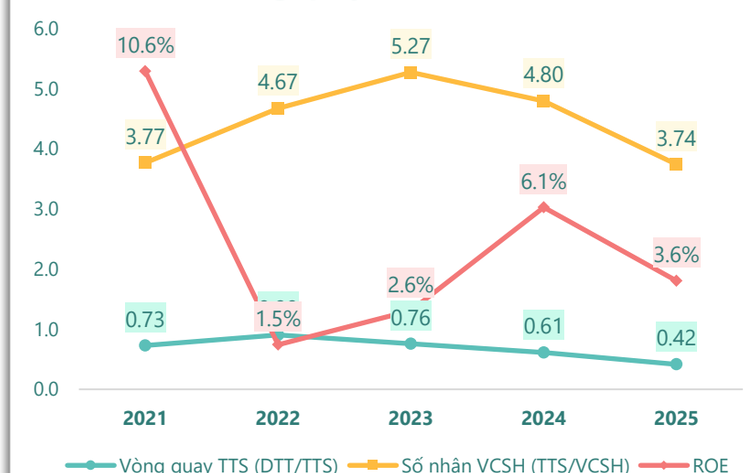
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



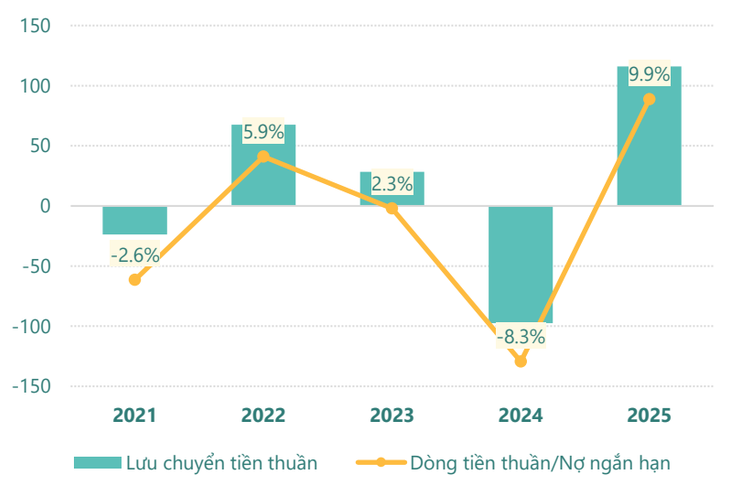
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**240**	**439**	**-45.3%**	**1,031**	**1,169**	**-11.8%**
Giá vốn hàng bán	235	426	-44.7%	975	1,101	-11.5%
Lợi nhuận gộp	4.73	12.4	-61.9%	56.5	68.1	-17.1%
Doanh thu HĐTC	38.6	17.2	124%	52.8	37.8	39.6%
Chi phí TC	18.1	27.8	-34.8%	56.1	64.2	-12.6%
Chi phí lãi vay	17.4	25.0	-30.2%	54.4	60.8	-10.5%
LN trong công ty LKLD	**-1.11**	**0.02**	**-5632%**	**1.27**	**1.79**	**-28.8%**
Chi phí bán hàng	0.08	0.03	161%	0.16	1.47	-89.4%
Chi phí QLDN	**9.39**	**2.69**	**249%**	**26.4**	**38.5**	**-31.5%**
LN thuần từ HĐKD	14.6	-0.93	1671%	27.9	3.53	690%
Lợi nhuận khác	**-0.11**	**5.10**	**-102%**	**0.90**	**8.14**	**-89.0%**
LN trước thuế	14.5	4.17	248%	28.8	11.7	147%
Lợi nhuận sau thuế	**10.3**	**22.6**	**-54.6%**	**23.0**	**23.3**	**-1.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.3**	**21.9**	**-53.1%**	**24.0**	**24.0**	**-0.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-60.2	-132	-502	196	-330	70.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	48.7	-90.7	215	-257	6.00	-60.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	64.2	177	581	-177	268	106
Tiền đầu kỳ	20.0	72.6	23.7	318	80.0	23.6
Lưu chuyển tiền thuần	**52.7**	**-46.5**	**295**	**-238**	**-56.5**	**116**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	72.6	26.2	318	80.0	23.6	140

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,962**	**2,006**	**47.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,797	1,607	74.1%
Tiền và tương đương tiền	140	23.7	489%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	406	369	10.0%
Phải thu ngắn hạn	1,129	865	30.5%
Hàng tồn kho	1,090	338	223%
Tài sản ngắn hạn khác	31.5	10.7	194%
Tài sản dài hạn	**166**	**399**	**-58.5%**
Phải thu dài hạn	1.62	156	-99.0%
Tài sản cố định	13.8	12.3	12.4%
Bất động sản đầu tư	35.4	37.2	-5.0%
Tài sản dở dang	35.7	120	-70.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	74.7	71.8	3.9%
Tài sản dài hạn khác	**4.38**	**1.59**	**175%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,091	1,550	34.9%
Nợ ngắn hạn	**1,171**	**1,177**	**-0.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	768	851	-9.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	101	100	0.6%
Nợ dài hạn	920	373	147%
Vay và nợ thuê dài hạn	734	184	299%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**871**	**457**	**90.9%**
Vốn chủ sở hữu	**871**	**457**	**90.9%**
Vốn điều lệ	528	220	140%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)